TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v: Khiếu kiện Quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và yêu cầu bồi thường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huynh
2. Ông Nguyễn Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2017/TLST-HC ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: "Khiếu kiện quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và yêu cầu bồi thường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Mậu Ph, sinh năm 1957.
Địa chỉ: 549, tổ 6, ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:
Ông Đỗ Đức C, sinh năm 1949.
Địa chỉ: Số 1178, tổ 3, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2017). (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: Số 01, Lê Hồng Ph, khu Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:
Ông Ngô Thế Â - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là người đại diện theo pháp luật.

Ông Nguyễn Tấn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4587/UQ-UBND ngày 01/8/2016). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ban Quản lý Rừng phòng hộ L.

Địa chỉ: Tổ 17, khu Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Anh T - Giám đốc Ban Quản lý Rừng phòng hộ L là người đại diện theo pháp luật.

Ông Vũ Thanh B - Phó giám đốc Ban Quản lý Rừng phòng hộ L là người đại diện theo ủy quyền.Văn bản ủy quyền số 86/GUQ- BQLRPLT ngày 25/8/2015. (vắng mặt)

2. Công ty cổ phần môi trường T. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1977 là người đại diện theo pháp luật.

3. Anh Nguyễn Mậu V, sinh năm 1986. (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Mậu H, sinh năm 1989. (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Mậu Nh, sinh năm 1991. (vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Mậu C, sinh năm 1999. (vắng mặt)

7. Chị Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1986. (vắng mặt)

8. Bà Trần Thị H, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 549, tổ 4, ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2015 của người khởi kiện ông Nguyễn Mậu Ph và quá trình tố tụng do ông Đỗ Đức C đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Nguồn gốc 7.649 m^2 đất tại thửa số 407C, tờ bản đồ số 20, xã B, huyện L do Ban Quản lý Rừng phòng hộ L quản lý, ngày 03/6/1995 Ban Quản lý Rừng phòng hộ L có hợp đồng giao khoán số 167/HĐK ngày 03/6/1995 cho ông Trương B. Ngày 12/9/2010, ông Ph đã nhận chuyển nhượng từ ông Trương B, ông Phong sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Ngày 31/12/2014, ông Ph nhận được Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc hỗ trợ cho hộ Ph số tiền số 229.470.000 đồng cho diện tích đất 7.649 m^2, ông Ph đã nhận tiền hỗ trợ và ký bàn giao mặt bằng nhưng do việc hỗ trợ trên là chưa thỏa đáng nên ngày 03/4/2015 ông Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số

3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L, đề nghị căn cứ Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bồi thường thêm cho ông Ph số tiền 834.745.000 đồng bao gồm:

1. Hỗ trợ 25% diện tích đất bị thu hồi 7.649m^2 x 15.000đồng/m^2 x (25%) = 114.735.000 đồng.

2. Trợ cấp gạo theo điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là 30kg gạo cho 1 nhân khẩu trong 6 tháng, hộ ông Ph có 08 khẩu, tương đương với số tiền 08 khẩu x 30kg/tháng = 240kg x 6 tháng =1.440kg x 15.000 đồng/kg = 21.600.000 đồng.

3. Thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND là 10.000.000 đồng.

4. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND là 1,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi thực tế là 7.649m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 688.410.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông C rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền trợ cấp gạo 21.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Ph yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường là 813.145.000 đồng. Ông C bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L.

- Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L do ông Nguyễn Tấn H, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Ngày 07/10/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B và Công ty TNHH T là chủ đầu tư tiến hành kiểm kê phần tài sản, cây trồng trên thửa đất số 407C, tờ bản đồ số 20 với diện tích thu hồi 7.649m^2 đất do Ban Quản lý Rừng phòng hộ L quản lý, người trực tiếp canh tác trên đất là ông Nguyễn Mậu Ph.

Ngày 19/10/2010, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận thửa đất số 407C, tờ bản đồ số 20 diện tích 7.649m^2 do Ban Quản lý Rừng phòng hộ L quản lý. Đất giao khoán cho hộ ông Ph vào ngày 12/9/2010 để trồng, chăm sóc, bảo vệ phòng chống cháy và sản xuất nông nghiệp. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L thẩm tra và thống nhất nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.

Ngày 11/6/2014, Ban Quản lý Rừng phòng hộ L có văn bản số 273/CV-BQL xác nhận các trường hợp chưa lập lại hợp đồng do đang thực hiện phúc tra chuyển đổi hợp đồng theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính Phủ và các trường hợp nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng sản xuất thì đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH T (nay là Công ty cổ phần môi trường T) thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã B, huyện L. Quyết định đã thu hồi 101.757,0m^2 đất tại xã B giao cho Công ty TNHH T thực hiện dự án.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L đã lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất hình thức hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi 7.649m^2 x 60.000 đồng x 50% =114.375.000 đồng cho ông Ph và được Ủy ban nhân dân huyện L phê duyệt tại Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 là đúng quy định, ông Ph đã nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án không có khiếu nại gì.

Ngày 18/9/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có văn bản số 7548/UBND-ĐT về việc xử lý vướng mắc dự án khu xử lý chất thải do Công ty TNHH T thực hiện dự án tại xã B, theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ Điều 31 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ bổ sung bằng 25% giá trị bồi thường đất cho các hộ gia đình trong đó có hộ của ông Ph.

Ngày 03/02/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân trong đó có hộ của ông Phong là 7.649m^2 x 60.000 đồng x 25% = 114.735.000 đồng.

Căn cứ Điều 15 Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 08/02/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, Ban ấp 7 và phổ biến trên hệ thống truyền thanh của xã.

Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND về việc phê duyệt hỗ trợ khác cho hộ ông Nguyễn Mậu Ph.

Ngày 22/02/2016, 07/3/2016 và 14/4/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L có văn bản số 81/CV-TTPTQĐ; văn bản số 121/CV-TTPTQĐ và văn bản số 265/CV-TTPTQĐ về việc đề nghị Công ty TNHH T chuyển tiền bồi thường dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại xã B nhưng đến nay Công ty vẫn chưa chuyển tiền cho các hộ dân.

Việc ông Nguyễn Mậu Ph yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường là không có cơ sở xem xét.

- *Quá trình tố tụng ông Vũ Thanh B là người đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý Rừng phòng hộ L trình bày:* Diện tích đất của ông Nguyễn Mậu Ph đang sử dụng là đất công do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ L quản lý tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978.

Ông Ph được Ban Quản lý Rừng phòng hộ L đồng ý giao khoán để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản vào ngày 12/9/2010.

Theo Thông báo số 5140/TB-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại xã B, Ban Quản lý Rừng phòng hộ L đã bàn giao xong diện tích thu hồi cho chủ đầu tư theo đúng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định tại văn bản số 3023/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/8/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Rừng phòng hộ L đã có công văn số 490/CV- BQL ngày 09/12/2010 gửi cho Hội đồng bồi thường huyện L về trường hợp của ông Ph. Ông Ph không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, mà chỉ là đối tượng nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp do đó chỉ được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần môi trường T, anh Nguyễn Mậu V, chị Nguyễn Thị Mậu H, chị Nguyễn Thị Mậu Nh, chị Nguyễn Thị Mậu C, chị Huỳnh Thị Ph và bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần môi trường T, bà H, anh V, chị H, chị Nh, chị C, chị Ph không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mậu Ph là không đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần môi trường T (trước đây tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn T), bà H, anh V, chị H, chị Nh, chị C, chị Ph đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng

nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Tấn H, ông Vũ Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

Ông Nguyễn Mậu Ph nhận được Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L. Ngày 03/4/2015 ông Ph nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 và khoản 2 Điều 104 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 thì đơn khởi kiện của ông Ph còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền: Tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015 quy định: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng địa giới hành chính với Tòa án thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Ông Ph khởi kiện quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành theo quy định trên thuộc thẩm quyền cấp tỉnh nhưng căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 quy định: Đối với những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì Tòa án đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án cấp tỉnh giải quyết. Do đó Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010 là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung:*

Ông Nguyễn Mậu Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L, ông Ph cho rằng quyết định này chỉ hỗ trợ 50% giá đất được bồi thường là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 20/2010/QĐ -UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ông đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L phải hỗ trợ thêm 25% trị giá đất số tiền là 114.735.000 đồng; trợ cấp gạo cho 08 nhân khẩu là 21.600.000 đồng; Thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất 10.000.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 7.649m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 688.410.000 đồng, tổng cộng là 834.745.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền trợ cấp gạo 21.600.000đồng, đồng thời ông C yêu cầu bổ sung hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L. Xét thấy, việc ông C rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên.

Đối với yêu cầu bổ sung hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và Quyết định 1802/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L. Xét thấy, trong hợp đồng ủy quyền ngày 11/8/2017 ông Ph chỉ ủy quyền cho ông C khởi kiện và tham gia tố tụng đối với Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 mà không ủy quyền nội dung khác nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện của ông Ph.

Xét thấy, diện tích đất ông Ph canh tác thuộc thửa đất số 407c, tờ bản đồ số 20, xã B, huyện L là đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ L quản lý tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ban Quản lý Rừng phòng hộ L giao khoán đất cho ông Ph mục đích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cao nhất bằng giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương".

Theo khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định: "Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất do giao, nhận khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003".

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ khoản 3 Điều 20 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai để ban hành Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 để hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Nguyễn Mậu Ph với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi là đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính và các văn bản hành chính liên quan:*

Sau khi có Thông báo số 5140/TB - UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, ngày 18/11/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3017/QĐ - UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH T thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã B, huyện L. Ngày 26/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 2853/QĐ - UBND về phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Ph. Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 3011/QĐ-UBND để hỗ trợ cho hộ ông Ph 229.470.000 đồng.

Trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có văn bản số 7548/UBND- ĐT ngày 18/9/2015 chấp thuận cho chủ đầu tư cam kết hỗ trợ bổ sung 25% giá trị đất cho 13 hộ gia đình (trong đó có hộ ông Ph) đồng thời chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ Quyết định số 54/2014-QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai để thực hiện hỗ trợ cho các hộ dân. Ngày 03/02/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L. Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1802/QĐ - UBND bồi thường, hỗ trợ thêm cho ông Ph 25% là 114.735.000 đồng.

Như vậy, trình tự, thủ tục, nội dung ban hành Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và Quyết định số 1802/QĐ - UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L là phù hợp với quy định tại Điều 39, 43 Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Từ những nhận định trên, nhận thấy Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 "Về việc hỗ trợ ông Nguyễn Mậu Ph có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L" và Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L "Về việc phê duyệt hỗ trợ khác cho hộ ông Nguyễn Mậu Ph hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban Quản lý Rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại xã B" là đúng quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mậu Ph không được chấp nhận nên ông Nguyễn Mậu Ph phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29 và Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

Căn cứ Điều 157, 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính của Quốc hội.

Căn cứ Điều 39, 43 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mậu Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 3011/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường số tiền 813.145.000 đồng (tám trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Mậu Ph về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường tiền trợ cấp gạo 21.600.000 (hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Mậu Ph phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 006710 ngày 20/4/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Ông Nguyễn Mậu Ph được quyền làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Long Thành;
- CCTHADS H.Long Thành;
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Lê Thị Ánh Sáng – Quách Hữu Tâm **Trần Vĩnh Yên**

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Long Thành;
- CCTHADS H.Long Thành;
- Các đương sự.
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa

Trần Vĩnh Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Lê Thị Ánh Sáng – Quách Hữu Tâm **Trần Vĩnh Yên**

Nơi nhận :
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Long Thành;
- THA H.Long Thành;
- UBND xã Long Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa

Trần Vĩnh Yên